

Đề xuất phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản thông tin trên cơ sở xác định chuẩn đọc hiểu văn bản thông tin của học sinh trung học phổ thông trong môn Ngữ văn

Phùng Thị Vân Anh

Email: ptvanh@moet.gov.vn

Bộ Giáo dục và Đào tạo

35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Từ việc xem xét khái niệm, cấu trúc năng lực đọc hiểu văn bản thông tin, bài viết đề xuất chuẩn năng lực đọc hiểu văn bản thông tin nhằm khắc phục những bất cập trong dạy và học đọc hiểu loại văn bản này theo Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn hiện hành. Bài viết xác định một số công cụ đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh, góp phần nâng cao chất lượng của việc dạy học đọc hiểu văn bản thông tin trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018.

TỪ KHÓA: Văn bản thông tin, kiểm tra, đánh giá, đọc hiểu văn bản thông tin, học sinh, trung học phổ thông.

→ Nhận bài 23/6/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 10/7/2022 → Duyệt đăng 15/8/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210807>

1. Đặt vấn đề

Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 khẳng định: “Văn bản thông tin là kiểu văn bản nhằm cung cấp thông tin một cách trung thực, khách quan thông qua việc mô tả, giải thích, giới thiệu, trình bày số liệu, sự kiện”. Văn bản thông tin là loại văn bản chủ yếu sử dụng, mô tả, phân tích các sự kiện, số liệu, sơ đồ, bảng biểu thống kê chủ yếu nhằm mục đích/thực hiện chức năng truyền đạt thông tin. Đây là loại văn bản phổ biến và hữu dụng trong học tập và trong đời sống sinh hoạt của mỗi cá nhân. Do đó, học sinh cần được hướng dẫn đọc hiểu loại văn bản này trong nhà trường, cần thiết kế chuẩn đánh giá làm cơ sở để đề xuất công cụ kiểm tra, đánh giá năng lực đọc hiểu loại văn bản này của học sinh trung học phổ thông, góp phần nâng cao hiệu quả của việc dạy học đọc hiểu văn bản thông tin, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn giáo dục trong bối cảnh chuyên đổi số và hội nhập quốc tế.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thiết kế chuẩn năng lực đọc hiểu văn bản thông tin làm cơ sở để xác định phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả đọc hiểu văn bản thông tin

Kế thừa những thành tựu nghiên cứu về chuẩn đọc hiểu đã đạt được (Chương trình của Liên bang Nga, Chương trình tiếng Anh của Anh, chuẩn Chương trình cốt lõi của Mỹ,...), trên cơ sở mô tả cấu trúc của năng lực đọc hiểu văn bản thông tin bao gồm bốn thành tố: 1) Dùng tri thức nền để hiểu phương thức biểu đạt văn bản; 2) Dùng tri thức nền để hiểu nội dung văn bản; 3)

Dùng tri thức nền để liên hệ, so sánh, kết nối văn bản với văn bản tương tự về nội dung hoặc phương thức biểu đạt; 4) Dùng kết quả đọc hiểu để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống, chúng tôi đề xuất các tiêu chí chất lượng (mức độ chất lượng) của từng chỉ số cấu thành năng lực đọc hiểu văn bản thông tin của học sinh trung học phổ thông cụ thể như sau (xem Bảng 1).

Đối với học sinh ở cấp Trung học phổ thông, chuẩn đọc hiểu văn bản bao gồm nhiều mức độ. Các mức độ này được sắp xếp theo một trục thống nhất, tạo thành đường phát triển của năng lực đọc hiểu, trong đó xác định rõ sự phát triển của từng thành tố cấu tạo nên năng lực đọc hiểu văn bản. Trên cơ sở những thành tựu nghiên cứu đó, chúng tôi đề xuất chuẩn đọc hiểu văn bản thông tin (yêu cầu cần đạt khi đọc hiểu văn bản thông tin) của học sinh trung học phổ thông bao gồm sáu mức độ sau (xem Bảng 2).

Theo Bảng 3, chuẩn năng lực đọc hiểu văn bản thông tin trong môn Ngữ văn được thiết kế theo hình thức “chuẩn thực hiện”, bảo đảm động từ hoá các thao tác mà học sinh cần tiến hành khi đọc hiểu văn bản thông tin. Thứ tự sắp xếp các thành tố của chuẩn giúp hình dung quy trình đọc hiểu từ hình thức đến nội dung của văn bản.

2.2. Xác định phương pháp đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản thông tin

2.2.1. Đánh giá thường xuyên

Kiểm tra, đánh giá thường xuyên không có nhu cầu phân chia học sinh theo thứ bậc, nhất là đối với những

Bảng 1: Bảng tiêu chí chất lượng năng lực đọc hiểu văn bản thông tin của học sinh trung học phổ thông

| Thành tố | Chỉ báo hành vi | Mức độ chất lượng | | |
|--|--|--|---|---|
| | | Dưới chuẩn | Chuẩn | Trên chuẩn |
| 1. Dùng tri thức nền để hiểu phương thức biểu đạt văn bản | 1.1. Kỹ năng xác định phương thức biểu đạt của văn bản. | 1.1.1. Không xác định/ Xác định không chính xác phương thức biểu đạt của văn bản. | 1.1.2. Xác định chính xác phương thức biểu đạt của văn bản. | 1.1.3. Nhận xét, đánh giá được hiệu quả sử dụng phương thức biểu đạt của văn bản. |
| | 1.2. Kỹ năng truy xuất, lựa chọn thông tin, dữ liệu quan trọng. | 1.2.1. Không truy xuất được/ Truy xuất không đầy đủ, chính xác thông tin dữ liệu quan trọng. | 212.2. Truy xuất đầy đủ, chính xác thông tin dữ liệu quan trọng; phân biệt được dữ liệu sơ cấp và thứ cấp. | 1.2.3. Đánh giá vai trò, hiệu quả của các thông tin, dữ liệu quan trọng. |
| | 1.3. Kỹ năng phân tích, đánh giá giá trị, hiệu quả của các yếu tố hình thức trong văn bản (kết cấu, ngôn ngữ, hình ảnh). | 1.3.1. Nhận biết được các yếu tố hình thức trong văn bản (kết cấu, ngôn ngữ, hình ảnh, cách trình bày dữ liệu thông tin). | 1.3.2. Phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ), cách trình bày dữ liệu thông tin để làm tăng hiệu quả biểu đạt của văn bản. | 1.3.3. So sánh, đánh giá được cách trình bày thông tin của văn bản, hiệu quả của văn bản chỉ dùng ngôn ngữ và văn bản có kết hợp yếu tố phi ngôn ngữ. |
| 2. Dùng tri thức nền để hiểu nội dung văn bản | 2.1. Nhận biết, phân tích, đánh giá nội dung của văn bản. | 2.1.1. Không nhận ra nội dung chính của văn bản, không xác định được/ xác định không chính xác mối liên hệ, vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản. | 2.1.2. Biết suy luận và phân tích đề tài, mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản, cách đặt nhan đề của văn bản. | 2.1.3. Đánh giá được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản; đề xuất được nhan đề khác của văn bản. |
| | 2.2. Nhận xét, đánh giá mục đích, quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản. | 2.2.1. Không nhận biết được mục đích, thái độ và quan điểm của người viết. | 2.2.2. Phân tích, lí giải được mục đích, thái độ và quan điểm của người viết. | 2.2.3. Đánh giá được mục đích thái độ, quan điểm của người viết. |
| | 2.3. Xác định thông điệp/ý nghĩa được phản ánh trong văn bản. | 2.3.1. Không xác định được/ xác định không chính xác thông điệp/ý nghĩa của văn bản. | 2.3.2. Xác định được thông điệp/ý nghĩa được phản ánh trong văn bản. | 2.3.3. Từ thông điệp trong văn bản, nêu được bài học, ý nghĩa hay tác động của văn bản đã đọc đối với bản thân. |
| 3. Dùng tri thức nền để liên hệ, so sánh, kết nối văn bản với văn bản tương tự về nội dung hoặc phương thức biểu đạt | 3.1. So sánh, kết nối để nhận ra sự liên hệ giữa các vấn đề được phản ánh trong văn bản với những vấn đề ngoài văn bản trong bối cảnh văn hóa-xã hội sản sinh ra văn bản; nhận ra sự khác biệt của văn bản đã đọc với văn bản khác có cùng đề tài, chủ đề. | 3.1.1. Không nhận ra được sự liên hệ giữa các vấn đề được phản ánh trong văn bản thông tin với những vấn đề ngoài văn bản trong bối cảnh văn hóa - xã hội sản sinh ra văn bản; không nhận ra được sự khác biệt của văn bản đã đọc với văn bản khác có cùng đề tài, chủ đề. | 3.1.2. Nhận ra mối liên hệ giữa văn bản với văn bản tương tự về nội dung hoặc phương thức biểu đạt. | 3.1.3. Đánh giá được giá trị hay đóng góp của văn bản. |
| | 3.2. Kết nối văn bản với cá nhân để hình thành các hiểu biết, giá trị mới cho bản thân. | 3.2.1. Không kết nối được văn bản với cá nhân. | 3.2.2. Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân. | 3.2.3. Thể hiện được thái độ đồng ý hay không đồng ý với nội dung của văn bản hay quan điểm của người viết và giải thích lí do. |
| 4. Dùng kết quả đọc hiểu để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống | 4.1. Sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ đọc hiểu văn bản để phục vụ mục đích học tập và những mục đích khác. | 4.1.1. Không sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ đọc hiểu văn bản. | 4.1.2. Sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ đọc hiểu văn bản. | 4.1.3. Chủ động, tích cực, sáng tạo khi thực hiện các nhiệm vụ đọc hiểu văn bản để phục vụ mục đích học tập và những mục đích khác. |
| | 4.2. Ứng dụng kết quả đọc hiểu văn bản vào việc giải quyết các tình huống trong thực tiễn học tập và thực tiễn cuộc sống. | 4.2.1. Không ứng dụng được ứng dụng được kết quả đọc hiểu vào việc giải quyết các tình huống trong thực tiễn học tập và thực tiễn cuộc sống. | Ứng dụng được một phần kết quả đọc hiểu văn bản vào việc giải quyết các tình huống trong thực tiễn học tập và thực tiễn cuộc sống. | 4.2.3. Ứng dụng hiệu quả kết quả đọc hiểu văn bản vào việc giải quyết các tình huống trong thực tiễn học tập và thực tiễn cuộc sống. |

học sinh kém. Điều đó sẽ làm họ nản lòng, mất động lực học tập, vì dù họ học kém hơn những người khác nhưng có thể kết quả học tập của họ vẫn đạt theo tiêu chí. Do đó, với kiểm tra, đánh giá thường xuyên nên dùng kiểu đánh giá theo tiêu chí (criteria-referenced). Khi sử dụng đánh giá theo tiêu chí, điều lí tưởng nhất là mọi học sinh đều đạt yêu cầu theo tiêu chí đã đề ra.

Các kết quả nghiên cứu cho thấy, giáo viên thường sử dụng nhiều nhất các nhóm phương pháp chủ yếu sau để thu thập thông tin trong kiểm tra, đánh giá:

Viết lời bình/suy ngẫm: Suy ngẫm là sự suy nghĩ sâu, sự ngẫm nghĩ về điều gì đó. Hoạt động học tập rất cần những tình huống... buộc học sinh trải nghiệm, suy ngẫm để rút ra những bài học. Trong kiểm tra, đánh giá

Bảng 2: Yêu cầu cần đạt (chuẩn) đọc hiểu văn bản thông tin

| Mức | Dùng tri thức nền để hiểu phương thức biểu đạt văn bản | Dùng tri thức nền để hiểu nội dung văn bản | Dùng tri thức nền để liên hệ, so sánh, kết nối văn bản đọc hiểu với văn bản tương tự về nội dung hoặc phương thức biểu đạt | Dùng kết quả đọc hiểu để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống |
|-----|---|--|--|--|
| 6 | Đề xuất bổ sung, điều chỉnh cách trình bày thông tin, cách sử dụng các yếu tố hình thức của văn bản. | Rút ra thông điệp, ý nghĩa, bài học kinh nghiệm cho bản thân. | Kết nối văn bản với cá nhân để hình thành các hiểu biết, giá trị mới cho bản thân. | Phản hồi, đề xuất cách giải quyết vấn đề mới của cá nhân. |
| 5 | Phát hiện ra điểm chưa phù hợp trong cách trình bày thông tin, cách sử dụng các yếu tố hình thức của văn bản. | Khái quát hoá ý tưởng từ hệ thống thông tin của văn bản. | Khái quát hoá đóng góp, giá trị của văn bản. | Vận dụng vào việc đọc hiểu văn bản mới (dung lượng dài, đề tài, chủ đề mới). |
| 4 | Đánh giá hiệu quả của cách trình bày thông tin, cách sử dụng các yếu tố hình thức của văn bản. | Kết nối thông tin trong và ngoài văn bản cần thiết cho mục đích. | Liên hệ, so sánh, kết nối văn bản với bối cảnh văn hóa - xã hội sản sinh ra văn bản. | Vận dụng vào việc đọc hiểu văn bản tương tự (cùng đề tài, chủ đề). |
| 3 | So sánh, đối chiếu, tìm ra mối liên hệ trong cách trình bày thông tin, cách sử dụng các yếu tố hình thức của văn bản. | Xác định chủ đề, mục đích, ý tưởng ẩn sau thông tin của văn bản. | Kết nối văn bản với văn bản tương tự về nội dung hoặc phương thức biểu đạt. | Suy ngẫm, bình luận, đánh giá văn bản bằng kinh nghiệm cá nhân. |
| 2 | Phân tích, lí giải cách trình bày thông tin, cách sử dụng các yếu tố hình thức trong từng dạng văn bản. | Xác định vai trò của các thông tin có trong văn bản. | Liên kết các ý tưởng trong và ngoài văn bản. | Phân tích, lí giải nội dung, hình thức của văn bản bằng kinh nghiệm cá nhân. |
| 1 | Nhận biết được một số dạng văn bản (dung lượng ngắn, thể loại và chủ đề quen thuộc). | Nhận biết các thông tin có sẵn trong văn bản. | Liên kết thông tin, từ ngữ toàn văn bản. | Liên hệ từ ngữ, trong văn bản với hiểu biết, kinh nghiệm của cá nhân. |

Bảng 3: Tổng hợp các mức độ yêu cầu cần đạt (chuẩn) đọc hiểu văn bản thông tin

| Mức độ | Yêu cầu cần đạt |
|--------|--|
| 6 | Học sinh đề xuất bổ sung, điều chỉnh cách trình bày thông tin, cách sử dụng các yếu tố hình thức của văn bản, rút ra thông điệp, ý nghĩa, bài học kinh nghiệm, hình thành các hiểu biết, giá trị mới cho bản thân; sử dụng kết quả đọc hiểu để phản hồi, đề xuất cách giải quyết vấn đề mới của cá nhân trong học tập và đời sống. |
| 5 | Học sinh khái quát hoá ý tưởng, giá trị, đóng góp của văn bản, phát hiện ra điểm chưa phù hợp trong cách trình bày thông tin, cách sử dụng các yếu tố hình thức của văn bản, vận dụng vào việc đọc hiểu văn bản thông tin mới (có dung lượng dài, nội dung phức tạp, hình thức không quen thuộc). |
| 4 | Học sinh kết nối thông tin trong và ngoài văn bản; liên hệ, so sánh, kết nối văn bản với bối cảnh văn hóa - xã hội sản sinh ra văn bản; đánh giá hiệu quả của cách trình bày thông tin, cách sử dụng các yếu tố hình thức của văn bản từ đó vận dụng vào việc đọc hiểu văn bản tương tự (dung lượng ngắn, cùng đề tài, chủ đề). |
| 3 | Học sinh so sánh, đối chiếu, tìm ra mối liên hệ trong cách trình bày thông tin, cách sử dụng các yếu tố hình thức của văn bản; xác định chủ đề, mục đích, ý tưởng ẩn sau thông tin của văn bản; kết nối văn bản với văn bản tương tự về nội dung hoặc phương thức biểu đạt từ đó suy ngẫm, bình luận, đánh giá văn bản bằng kinh nghiệm cá nhân. |
| 2 | Học sinh xác định được vai trò của các thông tin có trong văn bản; phân tích, lí giải cách trình bày thông tin, cách sử dụng các yếu tố hình thức trong từng dạng văn bản; liên kết các ý tưởng trong và ngoài văn bản để phân tích, lí giải nội dung, hình thức của văn bản bằng kinh nghiệm cá nhân. |
| 1 | Học sinh huy động được kiến thức nền đã được trang bị vào việc nhận biết dạng văn bản, các thông tin có sẵn trong văn bản; liên kết các thông tin với nhau trong toàn văn bản và với hiểu biết, kinh nghiệm của cá nhân. |

thường xuyên, giáo viên cần tạo cơ hội cho học sinh không chỉ nói ra mà là viết ra những suy nghĩ và suy ngẫm để đánh giá những khó khăn, thất bại hay thành công của mình trong học tập...

Quan sát quá trình: Đòi hỏi giáo viên phải quan tâm đến những hành vi của học sinh như quá trình chuẩn bị trước khi đọc; tình cảm, thái độ, sự tập trung trong khi đọc; sự tương tác tích cực khi trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản, sản phẩm vận dụng sau khi đọc văn bản,...

Quan sát sản phẩm: Khi học sinh nộp các sản phẩm như một bài luận ngắn, bài tập ngắn, báo cáo thực hành, biểu đồ, biểu bảng theo chủ đề, vẽ một bức tranh, thiết kế videoclip, bảng biểu thể hiện đánh giá, nhận xét về một tác phẩm hoặc giới thiệu về một văn bản ngoài chương trình,... giáo viên sẽ quan sát và cho ý kiến, giúp học sinh hoàn thiện các sản phẩm các em đã làm ra.

2.2.2. Đánh giá định kì

Kiểm tra, đánh giá định kì gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập. Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá trước khi thực hiện. Việc kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: Bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

Đối với kiểm tra, đánh giá bằng bài thực hành hoặc dự án học tập: Yêu cầu cần đạt của bài thực hành hoặc dự án học tập phải được hướng dẫn cụ thể bằng bảng kiểm các mức độ đạt được phù hợp với bốn mức độ

nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao của các kiến thức, kĩ năng được sử dụng.

Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, nhà trường xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo bốn mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra, đánh giá trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao. Trên cơ sở đó, chúng tôi đề xuất hệ thống câu hỏi hướng dẫn đọc hiểu văn bản thông tin được hệ thống theo Bảng 4.

2.2.3. Đề kiểm tra minh họa (dành cho lớp 10)

a. Ma trận đề kiểm tra

Căn cứ vào những chỉ dẫn trên và những tiêu chí, chỉ báo đã được thể hiện trong chuẩn đọc hiểu văn bản thông tin, chúng tôi thiết kế ma trận đề kiểm tra 45 phút dành cho học sinh lớp 10, trong đó xác định các nội dung, mức độ yêu cầu cần đạt với số câu, số điểm tương ứng. Trong đó, sáu mức chất lượng được xác định khi đọc hiểu văn bản thông tin trong nhà trường cấp Trung học phổ thông được xếp vào bốn mức (biết, hiểu, vận dụng, vận dụng cao) cụ thể như sau (xem Bảng 5).

b. Đề kiểm tra minh họa

Đọc văn bản “Thông tin về vắc xin COVID-19 Comirnaty của Pfizer-BioNTech” và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu hỏi 1: Thông tin về vắc xin Pfizer-BioNTech được cung cấp từ nguồn nào?

- A. Chương trình tiêm chủng quốc gia
- B. Công ty Pfizer-BioNTech
- C. Trang web Sức khỏe cộng đồng

Bảng 4: Hệ thống câu hỏi hướng dẫn đọc hiểu văn bản thông tin

| | |
|---------------|--|
| Trước khi đọc | Em đã biết gì về đề tài, chủ đề của văn bản? (K) Em đã đọc những văn bản nào tương đồng đề tài, chủ đề với văn bản? (K) Em muốn biết thêm gì từ văn bản?(W) |
| Trong khi đọc | Cách đặt nhan đề văn bản của tác giả gợi cho em suy nghĩ gì đến đề tài/ nội dung chính của văn bản? Nhan đề thể hiện được vấn đề gì thuộc chủ đề của văn bản? Bố cục của văn bản gồm mấy phần? Đâu là phần chính/ nội dung quan trọng của văn bản? Vì sao? Đề tài của văn bản đã được thể hiện bằng các dữ liệu, thông tin gì? Có bao nhiêu dữ kiện, thông tin sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ? Các dữ liệu, thông tin này được lựa chọn, sắp xếp như thế nào? Các dữ liệu, thông tin này có vai trò như thế nào trong việc thể hiện chủ đề/ thông tin cơ bản của văn bản? Việc cung cấp những dữ kiện, thông tin sử dụng phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ có tác dụng như thế nào đối với hiệu quả biểu đạt của văn bản? Em đánh giá gì về những thông tin văn bản đã cung cấp (tính cập nhật, khối lượng thông tin, tác động xã hội)? Theo em, bối cảnh văn hóa - xã hội đương thời đã tác động ra sao đến văn bản? (Hoặc: Văn bản có chịu sự ảnh hưởng của một tư tưởng, quan niệm, xu thế về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học nào của giai đoạn, bối cảnh mà nó xuất hiện hay không? Nếu có, em đánh giá như thế nào về tác động của những yếu tố này đến nội dung của văn bản?) Hãy liệt kê một số văn bản khác mà em biết có sự tương đồng đề tài, chủ đề với văn bản này. Theo em, khi thể hiện đề tài, chủ đề, văn bản có lợi thế và hạn chế gì so với các văn bản khác? Theo em, để nâng cao hiệu quả biểu đạt đề tài, chủ đề, văn bản cần được bổ sung những điều gì? |
| Sau khi đọc | Em đã có những thay đổi gì khi đọc văn bản (về kiến thức, về kĩ năng, về thái độ)? (L) Em còn băn khoăn những gì (còn muốn biết thêm những gì) sau khi đọc văn bản (L) Em sẽ tìm lời giải đáp bằng cách nào? (H) |

Bảng 5: Ma trận đề kiểm tra

| Nội dung | Mức | | | | Tổng số |
|--|---|---|--|---|-------------------|
| | Biết | Hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao | |
| Dùng tri thức nền để hiểu phương thức biểu đạt văn bản | - Nhận biết những thông tin về nguồn gốc, xuất xứ của văn bản. - Ghi nhớ thông tin được trình bày trong văn bản. 02 câu (0,5 điểm) + 2 câu trắc nghiệm năng lực chung (mỗi câu 0,25 điểm). | - Lí giải tác động của điều kiện, bối cảnh đến sự xuất hiện của văn bản. - Phân tích, lí giải cách sắp xếp thông tin trong văn bản. 01 câu (0,5 điểm) + 1 câu trắc nghiệm phức hợp (đúng - sai) (0,5 điểm). | - Tìm ra mối liên hệ của chi tiết trong văn bản. 01 câu (0,5 điểm) + 1 câu hỏi mở (1 điểm) | | 04 câu/ 2 điểm |
| Dùng tri thức nền để hiểu nội dung văn bản | - Nhận diện, truy xuất thông tin trong văn bản. 02 câu (2 điểm) + 2 câu trắc nghiệm năng lực chung (mỗi câu 1 điểm). | Xác định vai trò của các thông tin có trong văn bản. 01 câu (0,5 điểm) + 1 câu trắc nghiệm phức hợp (Đ-S) (0,5 điểm) | Xác định chủ đề, mục đích, ý tưởng ẩn sau thông tin của văn bản. 01 câu (0,5 điểm) + 1 câu hỏi mở (1 điểm) | | 04 câu/ 3 điểm |
| Dùng tri thức nền để liên hệ, so sánh, kết nối văn bản đọc hiểu với văn bản tương tự về nội dung hoặc phương thức biểu đạt | Liên kết thông tin, từ ngữ toàn văn bản. 02 câu (1 điểm) + 1 câu Nối, 1 câu trắc nghiệm năng lực chung (mỗi câu 0,5 điểm). | Liên kết các ý tưởng trong và ngoài văn bản. 01 câu (0,5 điểm) Trắc nghiệm phức hợp (đúng - sai). | Kết nối văn bản với văn bản tương tự về nội dung hoặc phương thức biểu đạt. 01 câu (1 điểm) câu hỏi mở | | 04 câu/ 3 điểm |
| Dùng kết quả đọc hiểu để giải quyết vấn đề trong học tập và đời sống | | Phân tích, lí giải nội dung, hình thức của văn bản bằng kinh nghiệm cá nhân. 01 câu (1 điểm) (câu hỏi mở). | | Phản hồi, đề xuất cách giải quyết vấn đề mới của cá nhân. 01 câu (2 điểm) (câu hỏi mở). | 02 câu/ 3 điểm |
| Số câu | 06 câu/ | 04 câu/ | 03 câu/ | 01 câu/ | 14 câu/ |
| Điểm số | 3,5điểm | 2,5 điểm | 2 điểm | 2 điểm | 10 điểm |
| Tỉ lệ | 42% | 33% | 25% | | 100% |

D. Tổ chức Y tế Thế giới

Câu hỏi 2: Vắc xin Pfizer-BioNTech được chấp thuận sử dụng vào thời gian nào?

- A. Ngày 15/7/2021
- B. Ngày 20/12/2020
- C. Ngày 21/6/2021
- D. Ngày 31/12/2020

Câu hỏi 3: Nhiệt độ âm sâu thấp nhất để bảo quản vắc xin Pfizer-BioNTech là bao nhiêu?

- A. -90 độ C
- B. -60 độ C
- C. -25 độ C
- D. -15 độ C

Câu hỏi 4: Chọn phương án trả lời đúng điền vào dấu ... để hoàn thành nhận định sau: “Thời hạn tối đa để bảo quản vắc xin Pfizer-BioNTech trong buồng lạnh/tủ lạnh dương từ +2 độ C đến +8 độ C là...”

- A. 14 ngày
- B. 30 ngày
- C. 31 ngày
- D. ½ ngày

Câu hỏi 5: Khoanh vào phương án trả lời đúng (Đ) – sai (S) cho mỗi nhận định giới thiệu về vắc xin Pfizer-BioNTech dưới đây :

| Nhận định | Đ | S |
|--|---|---|
| 1. Vắc xin Pfizer-BioNTech giúp các tế bào cơ thể tạo ra một loại protein vô hại | | |
| 2. Vắc xin Pfizer-BioNTech có hiệu lực bảo vệ trước tác nhân gây bệnh COVID-19 sau khi tiêm liều thứ 3 khoảng 7 ngày | | |

Câu hỏi 6: Nối mỗi thông tin ở cột (I) với một thông tin ở cột (II) để có thông tin đầy đủ, chính xác về phản ứng sau tiêm chủng vắc xin Pfizer-BioNTech:

| A | B |
|-------------------|--|
| 1. Phổ biến | A. Ngứa chỗ tiêm, đau tứ chi, khó chịu |
| 2. Không phổ biến | B. Đau đầu, đau khớp, đau cơ |

Câu hỏi 7: Bạn nghĩ những thông tin mà văn bản cung cấp có cần thiết không?

Câu hỏi 8: Bạn lí giải vì sao người viết lại trích dẫn “Tổ chức Y tế Thế giới” “Chương trình tiêm chủng quốc gia” trước khi giới thiệu về vắc xin Pfizer-BioNTech?

Câu hỏi 9: Bạn cho rằng thông tin nào quan trọng nhất khi quyết định lựa chọn vắc xin để tiêm chủng?

Câu hỏi 10: Theo bạn, cách bảo quản vắc xin nào bảo đảm an toàn nhất?

Câu hỏi 11: Bạn nghĩ văn bản muốn khuyến nghị mọi người nên có phản ứng và hành động gì?

Câu hỏi 12: Bạn sẽ sử dụng những thông tin này như thế nào?

Ngữ liệu: Thông tin về vắc xin COVID-19 Comirnaty của Pfizer- BioNTech

(Nguồn: <http://benhvientanphu.vn/tin-tuc-va-su-kien/thong-tin-ve-vac-xin-covid-19-comirnaty-cua-pfizer-biontech-6332.html>)

3. Kết luận

“Văn bản thông tin” là khái niệm mới trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018. Trong chương trình, sách giáo khoa hiện hành và trước đây, dù hiểu theo cách nào, văn bản thông tin chưa được định danh và số lượng văn bản thông tin không đáng kể. Do đó, cần thống nhất quan niệm về văn bản thông tin, năng lực đọc hiểu văn bản thông tin và việc đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản thông tin.

Muốn phát triển năng lực đọc hiểu văn bản thông tin cần thiết kế chuẩn năng lực đọc hiểu văn bản thông tin dùng để làm cơ sở xác định nội dung, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá năng lực đọc hiểu văn bản thông tin. Chuẩn này được thiết kế theo nguyên tắc và phương pháp thiết kế chuẩn năng lực. Trên cơ sở chuẩn năng lực đọc hiểu văn bản thông tin, cần xác định phương pháp kiểm tra, đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì năng lực đọc hiểu văn bản thông tin để xác định chính xác mức độ đáp ứng yêu cầu của học sinh khi đọc hiểu văn bản thông tin từ đó điều chỉnh kịp thời phương pháp tổ chức đọc hiểu loại văn bản này trong thực tiễn.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nell K.Duke - V.Susan Bernett-Armistead - P.David Pearson, (2003), *Reading & Writing Informational Text in the Primary Grades*, Scholastic Inc, U.S.A.
- [2] Michael R. Graves, *Teaching Reading in the 21st century: Motivating All Learners (fifth edition)*, Pearson.
- [3] Nguyễn Thị Hồng Vân, (3/2014), *Đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn theo định hướng đánh giá năng lực*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 56.
- [4] Probst Robert E, (1988), *Transactional Theory in the teaching of Literature*, Journal of Reading, January.
- [5] Đỗ Ngọc Thống, (2013), *Dạy học Ngữ văn trong nhà trường Việt Nam - Hiện trạng, hướng phát triển và những vấn đề liên quan*, Kì yếu Hội thảo khoa học quốc gia về dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Lộc - Nguyễn Thị Lan Phương (đồng chủ biên) - Đặng Xuân Cương - Trịnh Thị Anh Hoa - Nguyễn Thị Hồng Vân, (2016), *Phương pháp, kĩ thuật xây dựng chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực giải quyết vấn đề*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [7] Nguyễn Thị Hồng Vân, (2011), *Đánh giá kết quả học tập môn Ngữ văn Trung học cơ sở theo hướng tiếp cận năng lực*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 65.

PROPOSING A METHOD TO TEST AND ASSESS THE READING COMPREHENSION COMPETENCE IN INFORMATIONAL TEXTS FOR HIGH SCHOOL STUDENTS

Phung Thi Van Anh

Email: ptvanh@moet.gov.vn
Ministry of Education and Training
35 Dai Co Viet, Hai Ba Trung, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *From the consideration of the concept and structure of reading comprehension of informational texts, the article proposes standards for reading comprehension of informational texts in order to overcome inadequacies in teaching and learning to read and understand this type of text according to the new General Education Program in Literature. The article identifies a number of tools to test and assess the reading comprehension of informational texts for students, contributing to improving the quality of teaching reading comprehension of informational texts in the new General Education Program in Literature 2018.*

KEYWORDS: *Informational texts, test, assessment, reading informational texts, students, high school.*